

Số: 83 / QĐ- THPT AL

Hải Phòng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách,
các khoản thu -chi tài chính năm 2024
và các khoản thu trong năm học 2025 -2026

HIỆU TRƯỞNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN LÃO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT ngày 03/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào Công văn 551/SGDĐT-TTtr ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo Hải Phòng về hướng dẫn thực hiện Công khai đối với cơ sở giáo dục;

Xét đề nghị của của bộ phận tài vụ nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách, các khoản thu -chi tài chính năm 2024 và các khoản thu trong năm học 2025 -2026.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Ngọc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức/HS	Số tháng	Dự kiến thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu năm học 2026-2027	Dự kiến thu năm học 2027-2028	Văn bản pháp lý
A	B		2	3	$4 = 1 \times 2 \times 3$	$5 = 1 \times 2 \times 3$	$6 = 1 \times 2 \times 3$	
1	Học phí	1853	77,000	9	1,284,129,000			Được nhà nước hỗ trợ
2	Dịch vụ trông coi xe - Xe máy, xe điện :	Theo số lượng đăng ký	50.000đ/ tháng/HS	9				I. Các khoản theo NQ 08 NQ-HĐND thành phố 2023 sửa đổi, bổ sung điều 2 của NQ số 02/NQ-HĐND thành phố 2022;
	- Xe đạp:		30.000đ/ tháng/HS	9				
3	Dịch vụ phục vụ nước uống học sinh	1853	10.000đ/ tháng/HS	9	166,770,000			
4	Bảo hiểm y tế học sinh	1853	631.800đ/HS/ 12 tháng		1170725400			Theo quy định của BHXH (Thu hộ, chi hộ)

KẾ TOÁN

Đỗ Thị Mừng

An Lão, ngày 10 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đức Ngọc

SỞ GIÁO DỤC & ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI NĂM 2024
(Số liệu công khai của năm liền kề trước thời điểm báo cáo - năm 2024)

DVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách	Học phí	Dạy thêm, học thêm	Dịch vụ coi xe	KP tài trợ	KP CSSK ban đầu	Khuyến học khuyến tài	KP DV nước uống	BHYT học sinh	Thu hộ, chi hộ khác
A	B	1—1+..8	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	ĐƯ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	1 090 775	1 002	307 797	140 105	000 003	568 000	67 790	000 000			6 079
I	Nguồn ngân sách	307 797		307 797								
II	Các khoản thu											
2	Dạy thêm, học thêm	140 105			140 105							
3	Phí dịch vụ trông coi xe	494 585				494 585						
4	Kinh phí tài trợ	319 780					319 780					
5	Kinh phí chăm sóc SKBĐ	72 455						72 455				
6	Kinh phí KH, khuyến tài	200 000							200 000			
7	Dịch vụ nước uống HS	291 060								291 060		
8	BHYT học sinh	1 327 142									1327 142	
9	Thu hộ, chi hộ khác	0 193 602										193 602
B	PHẦN THU	37 050 588	26 129 481	1 181 335	6 841 150	494 585	319 780	72 455	200 000	291 060	1327 142	193 602
I	Nguồn ngân sách	26 129 481	26 129 481									
II	Học phí	1 181 335		1 181 335								
III	Các khoản thu	0 000 000										
2	Dạy thêm, học thêm	6 841 150			6 841 150							
3	Phí dịch vụ trông coi xe	0 494 585				494 585						
4	Kinh phí tài trợ	0 319 780					319 780					
5	Kinh phí chăm sóc SKBĐ	0 072 455						72 455				
6	Kinh phí KH, khuyến tài	0 200 000							200 000			
7	Dịch vụ nước uống HS	0 291 060								291 060		

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách	Học phí	Dạy thêm, học thêm	Dịch vụ coi xe	KP tài trợ	KP CSSK ban đầu	Khuyến học khuyến tài	KP DV nước uống	BHYT học sinh	Thu hộ, chi hộ khác
8	BHY tế học sinh	1 327 142									1327 142	
9	Thu hộ, chi hộ khác	0 193 602										193 602
C	PHẦN CHỈ	32 856 184	22 321 713	1 306 257	6 632 270	344 020	887 780	79 744	00 000	149 670	1327 142	170 325
I	Chi tiền lương và các hoạt động	31 209 047	22 321 713	1 306 257	6 632 270	344 020	887 780	79 744	00 000	00 000	00 000	00 000
1	Tiền lương, tiền công	8 411 234	8 183 519	173 568				54 148				
2	Phụ cấp lương	4 240 779	3 924 748	316 030								
3	Tiền thưởng	679 282	609 282		70 000							
4	Phúc lợi tập thể	555 402	242 000		313 402							
5	Các khoản đóng góp	2 252 025	1 910 030	322 635				19 360				
6	Các khoản TT cá nhân	9 634 622	3 759 907		5 678 155	196 561						
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	331 282	294 322	36 961								
8	Vật tư văn phòng	131 773	110 352	21 420								
9	Thông tin tuyên truyền liên lạc	94 358	89 956	4 402								
11	Công tác phí	33 586	24 150	9 436								
14	Chi phí thuê, mướn	0 166 780	118 830	47 950								
15	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động giáo dục	2778 424	1494 429	48 680	257 835	89 700	887 780					
16	Mua sắm tài sản phục vụ công tác CM	154 141	38 000	116 141			-	-				
17	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	235 165	235 165									
18	Chi phí khác	272 806	49 635	209 034		7 900		6 237				
19	Chi hỗ trợ công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở	47 952	47 952									
19	Hỗ trợ học sinh, sinh viên, CB đi học	1189 437	1189 437									
17	Nghĩa vụ thuế nhà nước				312 879	49 859						
II	Các khoản thu hộ, chi hộ	1647 137	00 000	00 000	00 000	00 000	00 000	00 000	00 000	149 670	1327 142	170 325

STT	Nội dung	Tổng cộng	Ngân sách	Học phí	Dạy thêm, học thêm	Dịch vụ coi xe	KP tài trợ	KP CSSK ban đầu	Khuyến học khuyến tài	KP DV nước uống	BHYT học sinh	Thu hộ, chi hộ khác
1	Dịch vụ nước uống HS	149 670								149 670		
2	BHYT học sinh	1327 142									1 327 142	
3	Các khoản chi khác (Thực tập, hỗ trợ tiền điện...)	170 325										170 325

An Lão, ngày 10 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN

Đỗ Thị Mừng



Trần Đức Ngọc



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NĂM 2024

Đơn vị đồng

Stt	Diễn giải	Số dư đầu năm	Số thu/trích trong năm	³ Tổng sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
A	B	1	2	3=1+2	4	5=3-4
	TỔNG CỘNG		792 264 000	792 264 000	792 264 000	
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
2	Quỹ bổ sung thu nhập					
3	Quỹ phúc lợi	0	555 402 000	555 402 000	555 402 000	0 000 000
4	Quỹ khen thưởng	0	236 862 000	236 862 000	236 862 000	0 000 000

KÊ TOÁN

Đỗ Thị Mừng

An Lão, ngày 10 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đức Ngọc

CÔNG KHAI CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NĂM HỌC 2024-2025

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
A	B	1	2	3	4	5=2x3x4
	TỔNG CỘNG					25 197 000
1	Học bổng học sinh khuyết tật					
2	Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật					
3	Hỗ trợ chi phí học tập					12 000 000
	Học kì I (căn cứ sổ năm 2023)		8	150000	9	10 800 000
	Học kì II (căn cứ sổ năm 2024)		2	150000	4	1200 000
4	Miễn giảm học phí					6 160 000
	Số học sinh được miễn		8	77000	9	5 544 000
	Học kì I (căn cứ sổ năm 2023)		2	77000	4	616 000
	Học kì II (căn cứ sổ năm 2024)					
	Số học sinh được giảm 50%		0			0
	Học kì I (căn cứ sổ năm 2023)		0			0
	Học kì II (căn cứ sổ năm 2024)		0			0

KÊ TOÁN

Đỗ Thị Mừng

An Lão, ngày 10 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đức Ngọc